**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

***(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề.)***

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc bài thơ sau:**

**ÁNH TRĂNG**

*Hồi nhỏ sống với đồng  
với sông rồi với bể  
hồi chiến tranh ở rừng  
vầng trăng thành tri kỷ*

*Trần trụi với thiên nhiên  
hồn nhiên như cây cỏ  
ngỡ không bao giờ quên  
cái vầng trăng tình nghĩa*

*Từ hồi về thành phố  
quen ánh điện, cửa gương  
vầng trăng đi qua ngõ  
như người dưng qua đường*

*Thình lình đèn điện tắt  
phòng buyn-đinh tối om  
vội bật tung cửa sổ  
đột ngột vầng trăng tròn*

*Ngửa mặt lên nhìn mặt  
có cái gì rưng rưng  
như là đồng là bể  
như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh  
kể chi người vô tình  
ánh trăng im phăng phắc  
đủ cho ta giật mình.*

*(Ánh trăng*, Nguyễn Duy, NXB Tác phẩm mới, 1984*)*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Bài thơ *Ánh trăng* được làm theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Tự do

C. Năm chữ

D. Lục bát

**Câu 2.** Khi gặp lại vầng trăng trong một tình huống đột ngột, nhà thơ đã có cảm xúc như thế nào?

A. Rưng rưng

B. Lo âu

C. Ngại ngùng

D. Vô cảm

**Câu 3.** Trong bài thơ trên, tác giả nhắc tới những thời điểm nào?

1. Hồi nhỏ
2. Hồi về thành phố
3. Hồi nhỏ, hồi chiến tranh và hồi về thành phố.
4. Hồi chiến tranh.

**Câu 4.** Từ tri kỉ trong câu “*vầng trăng thành tri kỉ*” có nghĩa là gì?

A. Người bạn rất thân, hiểu rõ lòng mình

B. Biết được giá trị của người nào đó

C. Người có hiểu biết rộng

D. Biết ơn người khác đã giúp đỡ mình

**Câu 5.** Từ *“ngỡ”* trong câu *“ngỡ không bao giờ quên”* đồng nghĩa với từ nào?

A. Nói

B. Bảo

C. Thấy

D. Nghĩ

**Câu 6.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “*như là đồng là bể* - *như là sông là rừng”*?

A. Nhân hóa

B. So sánh

C. Nói quá

D. Nói giảm, nói tránh

**Câu 7.** Hình ảnh *“trăng cứ tròn vành vạnh”* tượng trưng cho điều gì?

A. Hạnh phúc viên mãn, tròn đầy.

B. Hình ảnh của quá khứ nghĩa tình, vẫn tròn đầy, trọn vẹn.

C. Thiên nhiên, vạn vật luôn tuần hoàn.

D. Cuộc sống hiện tại no đủ, sung sướng.

**Câu 8.** Vì sao đến cuối bài thơ, tác giả lại “*giật mình*” ?

A. Vì tác giả chợt nhận ra sự vô tình của mình và thấy cần phải trân trọng những gì đã qua.

B. Vì tác giả vốn hay bị giật mình trước những tình huống bất ngờ.

C. Vì vầng trăng đã gợi lại kỉ niệm xưa.

D. Vì bất ngờ *“ta”* gặp lại vầng trăng xưa.

**Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.** Câu chuyện trong bài thơ *Ánh trăng* muốn nhắc nhở chúng ta điều gì về thái độ sống?

**Câu 10.** Em hãy tìm một câu tục ngữ diễn tả chính xác nội dung của chủ đề tác phẩm.

**II. LÀM VĂN (4.0 điểm)**

Em hãy viết một bài văn thuyết minh về luật lệ trong trò chơi kéo co.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | Bài thơ gợi lên những suy nghĩ về đạo lý, lẽ sống của người Việt ta. Câu chuyện trong bài thơ nhắc nhở chúng ta đừng bao giờ quên quá khứ, đừng bao giờ trở thành kẻ vô tình, bạc bẽo. | 1 |
| **10** | Tục ngữ: “Uống nước nhớ nguồn” | 1 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.*  *Giải thích quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.* | 0,25 |
|  | *c. Thuyết minh về luật lệ trong trò chơi kéo co.*  Học sinh có thể thuyết minh theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau: |  |
|  | * Giới thiệu được trò chơi. * Miêu tả cách chơi (quy tắc). * Miêu tả luật chơi. * Nêu tác dụng của trò chơi.   Nêu ý nghĩa của trò chơi. | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc, tri thức chính xác, cô đọng, miêu tả sinh động hấp dẫn. | 0,5 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| Tùy bút, tản văn |
| **2** | **Viết** | Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong trò chơi hay hoạt động | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| Kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)  Tùy bút, tản văn | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.  **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| 2 | **Viết** | Viết bài văn thuyết minh về luật lệ trong trò chơi kéo co. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn thuyết minh dùng để giải thích quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động. Giải thích được rõ ràng các quy định về một hoạt động, trò chơi/ hướng dẫn cụ thể theo đúng một quy trình nào đó đối với một trò chơi hay một hoạt động. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |